



xuě dì

雪地

noun · snow-covered ground

Example Sentences

hái zǐ men zài xuě dì lǐ duī xuě rén

孩子们在雪地里堆雪人。

The children are building a snowman on the snow-covered ground.

xuě dì lǐ de jiǎo yìn hěn kuài jiù bèi xīn xuě fù gài le

雪地里的脚印很快就被新雪覆盖了。

The footprints in the snow were quickly covered by fresh snow.

Trace each character, then write the word on your own.

雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪	雪
雪	雪	雪								

地	地	地	地	地	地	地	地	地		
